TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2026/QĐST-HNGĐ	*Mỹ Phong, ngày 13 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 550/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Anh **Lê Tấn T**, sinh năm 1986, số CCCD: 08208600**** cấp ngày 29/03/2022; Địa chỉ: số 15C/4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường M, tỉnh Đ.

+ Chị **Nguyễn Thị Mỹ D**, sinh năm 1988, số CCCD: 08318800**** cấp ngày 29/03/2022; Địa chỉ: số 15C/4 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường M, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D chung sống với anh T từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 03 tháng 9 năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải, anh T và chị D xác định: Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh T, chị D đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho anh, chị.

[3] Xét yêu cầu đề nghị công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ D thì thấy: Tại phiên hòa giải anh T và chị D đều xác định không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa anh T và chị D đã thật sự trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu nhưng anh T và chị D vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh T và chị D là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 55 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia N, sinh ngày 05/5/2015. Anh T và chị D thống nhất sau khi ly hôn giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện việc cấp dưỡng lần đầu sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Các vấn đề khác: không có.

[7] Về Lệ phí: Anh T và chị D tự nguyện chịu mỗi người 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Tấn T và chị Nguyễn Thị Mỹ D.

1.2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Gia N, sinh ngày 05/5/2015 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thực hiện việc cấp dưỡng lần đầu sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh T và chị D tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mỗi người là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009052 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, anh T và chị D đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân KV1-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Mỹ Phước Tây;
- Các đương sự :
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thưa